

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2022

CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MSDN 3300100201

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...68.../BC-CTLNTP

Thị trấn Huế, ngày 3 tháng 3 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Thuận lợi

+ Phương án vốn điều lệ công ty giai đoạn 2021 – 2023 được các cấp, ngành thẩm định, là cơ sở cho công ty triển khai thực hiện kế hoạch năm.

+ Thị trường cây mầm mô, cây giống trồng rừng được mở rộng thêm một số loài cây khác, tinh thành khác.

2. Khó khăn:

+ Ảnh hưởng của các đợt mưa lũ lịch sử đã làm thiệt hại nặng hệ thống hạ tầng lâm sinh, vườn ươm,...

+ Giá gỗ rừng trồng không ổn định, biến động thất thường, ảnh hưởng đến hoạt động khai thác gỗ rừng trồng của công ty.

+ Sự suy giảm của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng đến đầu ra của một số sản phẩm của công ty.

+ Giá nhiên liệu (xăng dầu), nguyên liệu (vật tư, phân bón...) tăng cao, dẫn đến tăng chi phí sản xuất, tăng giá thành sản phẩm.

+ Đời sống kinh tế xã hội, người dân khó khăn cũng ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch năm 2022	Giá trị thực hiện năm 2022
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
1.1	Khai thác rừng	Ha	220,0	229,6
	Rừng trồng kinh tế	Ha	220,0	195,6
1.2	Trồng rừng	Ha	225,0	172,1
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	747,5	1.244,7
1.4	Cây giống lâm nghiệp		8.400.000	9.171.000
	Cây keo lai hom	Cây	2.600.000	1.400.000
	Cây keo lai mô	Cây	1.200.000	560.000
	Cây mầm lai, bạch đàn mô	Cây	5.000.000	11.310.000
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...		210.000	239.900
	Lan các loại	Cây	25.000	15.000
	Cây bản địa, trám giò, Ba kích	Cây	220.000	332.000



	Cây ăn quả	Cây	5.000	
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (bao gồm rừng phòng hộ, đặc dụng)	Ha	4.799,6	4.799,6
2	Doanh thu	Tr.đồng	39.139,0	39.848,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.137,0	12.455,0
4	Thuế và các khoản đã nộp NSNN	Tr.đồng	4.600,0	4.914,3
5	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích			
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0	1.904,3
7	Tổng số lao động (không bao gồm KSV bán chuyên trách)	Người	99	99
8	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	10.802,2	11.459,9
a)	Quỹ lương quản lý	Tr.đồng	1.119,6	1.038,1
b)	Quỹ lương lao động	Tr.đồng	10.500,3	10.687,6

3. Đánh giá chung

- Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đạt và vượt so với kế hoạch; trong đó chỉ tiêu doanh thu tăng 1,81% và chỉ tiêu lợi nhuận tăng 2,62% so với kế hoạch.

- Sản xuất cây giống keo lai hom, keo lai mô giảm, sản xuất cây mầm tăng so với kế hoạch, nguyên nhân:

+ Thị trường cây mầm nuôi cấy mô phát triển nên công ty tập trung nguồn lực cho sản xuất cây mầm mô, cung cấp cho thị trường; trong đó có việc mở rộng sản xuất sang cây mầm nuôi cấy mô Bạch đàn (tăng 226% so với kế hoạch).

+ Điều kiện thời tiết năm 2022 không thuận lợi cho hoạt động sản xuất cây giống ngoài vườn ươm.

+ Thị trường cây keo lai mô thành phẩm (trồng rừng) năm 2022 giảm.

- Diện tích khai thác rừng kinh tế chỉ đạt 88,95% so với kế hoạch (195,688ha/220ha); nguyên nhân: ngoài khai thác diện tích rừng trồng kinh tế theo kế hoạch, Công ty đã khai thác tận thu ngoài kế hoạch một số diện tích rừng trồng sau:

+ Khai thác tận thu 6,37ha rừng thông bị thiệt hại do cháy rừng năm 2021.

+ Khai thác tận thu 8,9ha rừng trồng 661, nguồn vốn ngân sách (đã thanh lý năm 2009 do bão).

Nếu tính cả diện tích khai thác tận thu thì công tác khai thác rừng trồng của công ty năm 2022 đạt 95,89% so với kế hoạch (210,958ha/220ha).

- Diện tích trồng rừng giảm, đạt 76,52% kế hoạch (172,17ha/225ha); do:

+ Diện tích khai thác rừng năm 2022 giảm so với kế hoạch.

+ Hệ thống đường lâm sinh bị hư hỏng nặng do mưa lũ, không thể khắc phục trong mùa mưa nên một số diện tích khai thác chậm tiến độ, do đó phải chuyển sang trồng rừng vụ xuân năm 2023 (khoảng hơn 40ha tại các tiểu khu 113, 120, 129, 155).

- Diện tích chăm sóc rừng tăng 166,52% so với kế hoạch (1.244,73ha/747,5ha), nguyên nhân:

+ Cuối năm 2022, tiến hành chăm sóc rừng trồng vụ xuân 2022: 34,5ha.

+ Chăm sóc lượt thứ 3 (chăm sóc lần 3) cho số diện tích năm 1, 2: 98,43ha.

+ Năm 2022, qua quá trình kiểm tra, đánh giá chất lượng rừng trồng kinh tế, công ty đã đầu tư chăm sóc một số diện tích rừng đã hết thời kỳ chăm sóc nhưng có chất lượng thấp, các diện tích bị thiệt hại do bão, sâu bệnh hại và diện tích rừng trồng cây bản địa, thông caribaea, là những diện tích rừng cần chú ý chăm sóc 5 năm sau khi trồng; cụ thể:

* Rừng trồng năm thứ 4 (rừng trồng 2018): 165,4ha thuộc các tiểu khu 114, 118, 120, 129 và 135.

* Rừng trồng năm thứ 5 (rừng trồng 2017): 185,1ha thuộc các tiểu khu 114, 118 và 129.

* Rừng trồng năm thứ 7, 8 (rừng trồng thông caribaea trồng năm 2014, 2015): 13,8ha thuộc tiểu khu 121, 122 và 129.

Công tác chăm sóc rừng trồng tuy tăng về mặt diện tích nhưng tổng chi phí đầu tư không tăng, do biện pháp kỹ thuật chủ yếu là luống phát thực bì nên chi phí đầu tư thấp.

- Vốn đầu tư cho các hoạt động đầu tư năm 2022: 11.163,83 triệu đồng, đạt 69,01% so với kế hoạch; nguyên nhân:

+ Diện tích trồng rừng giảm, dẫn đến vốn đầu tư giảm, vốn đầu tư chăm sóc rừng giảm.

+ Giá phân bón tăng cao trong năm 2022, do đó công ty chưa tiến hành biện pháp bón phân trong trồng và chăm sóc rừng.

+ Đầu tư cho cơ sở, nhà nuôi cấy mô, cơ sở vật chất khác giảm so với kế hoạch; nguyên nhân: thị trường cây giống các loại khác chưa nhiều, công ty chưa đầu tư và tận dụng cơ sở vật chất hiện có để sản xuất, tránh lãng phí trong đầu tư; đồng thời kiểm soát chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Riêng việc đầu tư cho hoạt động quản lý bảo vệ rừng tăng 127,23% so với kế hoạch do: trong năm 2022, được sự quan tâm của ngành, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động phục vụ công tác quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng cảnh quan do công ty quản lý (luống phát thực bì giảm vật liệu cháy, xây dựng các công trình BVR, PCCCR...).

Tóm lại, trong năm 2022, mặc dù gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài, ảnh hưởng từ những biến động của thế giới, do thời tiết bất lợi, chi phí sản xuất tăng; Công ty đã tổ chức SXKD có hiệu quả và đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác Vốn góp của NLD (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Doanh nghiệp không đầu tư các dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% VDL

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
Doanh nghiệp không có công ty con										

Nơi nhận:

- Công thông tin doanh nghiệp - Bộ KH & ĐT;
- Công thông tin điện tử tỉnh TT Huế;
- Lưu VT.



Tôn Chất Sĩ Tín